

GS/TS NGUYỄN HỒNG DŨNG: THĂNG HOA CUỘC ĐỜI – KỲ 105 NÀA THÌ KÌ MỘT ƯỚC MƠ

THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

KỲ 105 NÀA THÌ KÌ MỘT ƯỚC MƠ

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

Tôi sinh ra gần cuối thập niên năm mươi của thế kỷ XX khi chiến tranh Việt Nam không chỉ là một cuộc đấu đầu vũ trang đơn thuần giữa đôi Miền Nam Bắc, mà còn là cuộc đụng độ khốc liệt giữa hai mô hình xã hội, hai lý tưởng chính trị hoàn toàn đối nghịch. Tôi lớn lên giữa bi kịch của một dân tộc bị chia cắt bởi ngoại bang, nhưng sau đó lại bị cuốn vào chính vòng xoáy ý thức hệ của chiến tranh lạnh toàn cầu và cứ thế tôi hít thở không khí pha mùi thuốc súng.

Miền Nam Việt Nam với nền Cộng hòa non trẻ, được thành lập trên nền tảng tự do, dân chủ; dù chưa hoàn hảo nhưng đã cố gắng mở ra một con đường để xã hội hướng tới sự phát triển nhân bản, nền giáo dục tương đối cởi mở, quyền tư hữu được công nhận và đời sống văn hóa đa dạng. Tuy nhiên, giai đoạn phôi thai này lại đối mặt với chiến tranh, những bất ổn nội bộ nên Miền Nam chưa định hình được nền dân chủ trọn vẹn. Nhưng so với Miền Bắc, nơi được đặt dưới sự cai trị tuyệt đối của Đảng Cộng sản, thì xã hội Miền Nam vẫn hơn hẳn khi giữ được hơi thở tự do. Ở Miền Bắc, kể từ sau cải cách ruộng đất và phong trào “đấu tố” những thập niên 1950, một chế độ độc đoán đã được thiết lập. Đảng Cộng sản trở thành lực lượng duy nhất nắm quyền, và mọi hình thức tư tưởng

khác biệt đều bị xem là phản động. Tự do ngôn luận, báo chí, tôn giáo bị kiểm soát nghiêm ngặt. Người dân sống trong cảnh thường xuyên đối mặt với đói kém, họ buộc phải hy sinh với khái niệm “cách mạng,” trong khi đời sống vật chất lẫn tinh thần vô cùng điêu linh.

Chiến tranh kéo dài càng ác liệt, cả hai miền đều không chỉ chiến đấu vì lãnh thổ, mà còn vì một mô hình tương lai cho đất nước. Phía Bắc cho rằng chiến đấu để gọi là “giải phóng Miền Nam”, còn phía Nam quyết tâm bảo vệ sự tồn tại của một quốc gia độc lập, tự do, không bị Cộng sản xâm lược.

Người dân là nạn nhân, hàng triệu người chết, bị thương, hoặc mất tích. Những làng quê yên bình trở thành bãi chiến trường. Trại thơ lớn lên giữa tiếng bom rơi, máu đổ, gia đình ly tán, bạn bè trở thành kẻ thù chỉ vì đứng ở hai bên chiến tuyến. Dù nhìn từ phía nào, cuộc chiến cũng là một thảm trạng của dân tộc nơi máu của đồng bào đổ xuống cho những quyết định mà người dân không hề lựa chọn. Bây giờ sau năm mươi năm quốc hận từ một khoảng cách lịch sử của nhàkeeping người cho phép tôi nhìn lại; giả dụ như quê hương không bị chia cắt, nếu Việt Nam không bị lôi kéo vào cuộc cờ của những cường quốc thì dân tộc không phải chịu đựng biết bao mất mát, đau thương, và chia rẽ dai dẳng kéo dài đến tận hôm nay.

Ngày Quốc hận Ba mươi tháng Tư năm Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, Miền Nam gục ngã, không chỉ là một cột mốc lịch sử, mà còn là vết thương chưa thể lành trong lòng những người từng sống, từng yêu, từng chiến đấu vì một nền tự

do ngôn ngữ nhưng đầy khí
phách. Qua những giờ phút cuối cùng trước khi Sài Gòn thất
th, người ta vẫn còn mục kích
những trang sọ oai hùng được viết bằng máu, bằng nước mắt và
bằng trái tim của những
người lính Việt Nam Cộng Hòa, những người chưa từng đầu hàng
sọ phận, dù hoàn cảnh đã
quay lưng với họ.

Tôi đọc trang quân sọ viết về trận chiến Xuân Lộc trong tác
phẩm “Khi Đổng Minh Tháo
Chạy” của tác giả Nguyễn Tiễn Hưng, bản hùng ca cuối cùng của
một đạo quân từng làm
Cộng sản phải e ngại. Trong thất trận bị vây ép, nơi mà Việt
Cộng có quân sọ và hỏa lực gấp
nhiều lần, những người lính thuộc Sư đoàn 18 Bộ binh vẫn kiên
cường tở th, với tinh thần
không lùi bước. Thật đáng ngưỡng mộ! Nếu không có những quyết
định chính trị bất lợi từ
thượng tầng như việc bỏ ngỏ hai Quân khu chiến lược khi chưa
giao tranh (Quân khu I từ
Quảng Trị đến Quảng Ngãi và Quân khu II bao gồm vùng Tây
Nguyên và Duyên hải Nam
Trung bộ) thì có lẽ những địa danh như Xuân Lộc là niềm hy
vọng chưa tắt vợi nơi hàng
triệu trái tim Miền Nam.

Than ôi! Cuộc chiến không chỉ thua vì đạn pháo mà vì sự đơn
độc khi đồng minh lớn
nhất bất ngờ quay lưng, phải tay rút lui, Miền Nam bỗng trở
thành một chiến địa trống trải,
chống chọi trong tuyệt vọng với một đạo quân Bắc Việt vừa được
hậu thuẫn mạnh mẽ từ
Liên Xô và Trung Cộng. Tại Washington DC, Tổng thống Hoa Kỳ
Gerald Ford tuyên bố
chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt!!! nhưng thực ra, đó là dấu
chấm hết cho niềm tin của

người dân Miền Nam vào một nƣn tự do cƣn được bƣo vệ đƣn cùng.

Chiƣn tranh được xem như chƣm dứt vào ngày Ba mươi tháng Tư năm Bƣy lăm, nhưng với hàng triệu người dân Miền Nam, đó không phải là khƣi đƣu cƣa hòa bình, mà là bước vào một giai đoạn đen tƣi kéo dài, nơi niƣm hy vọng bị thay thƣ bằng sợ hãi, bƣt lực và khƣn cùng. Một chƣ độ mới lên ngôi, không qua lá phiƣu cƣa nhân dân, mà bằng họng súng, xe tăng và khƣng bƣ.

Ngay sau ngày quƣc hận thì hàng trăm ngàn sĩ quan, viên chức, cán bộ và những người từng phục vụ cho chính quyƣn Việt Nam Cộng Hòa bị gọi đi “học tập cƣi tạo”, một từ ngữ nhẹ nhàng, nhưng đó là tƣm vé “one way” vào những trại giam khƣc nghiệt, không án, không ngày vƣ. Bao nhiêu mái đƣu xanh, tƣng lớp trí thức, thanh niên ưu tú có đào tạo bị giam đƣn năm, mười, thậm chí hai mươi năm trong rừng sâu, núi thƣm. Những con người từng cƣm súng chiƣn đƣu cho lý tƣƣng tự do phải lao động khƣ sai, thiƣu ăn, bệnh tật, và không ít trong sƣ đó đã chƣt âm thƣm nơi rừng thiêng nước độc...trong lúc đó những thân nhân ngoài xã hội thì bị kỳ thị, lừa đi vùng kinh tƣ mới, cướp nhà, cướp cƣa, cướp mƣt tương lai.

Sài gòn và các tƣnh Miền Nam lúc đó bị nhà đương quyƣn Cộng sƣn đánh vào các giới thương nhân những đòn thù “cƣi tạo công thương nghiệp tư sƣn mại bƣn”. Tài sƣn bị quƣc hữu hóa, nhiƣu người hóa thành vô sƣn chƣ sau một đêm. Chưa dừng lại ƣ đó, Cộng sƣn ra lệnh hai lƣn đƣi tiƣn, cú giáng đau đớn vào những người dân vƣn đã nghèo thì mƣi gia đình chƣ được đƣi một sƣ tiƣn nhƣt định, còn lại bị tịch thu hƣt

sạch. Cửa cối tích góp có bao nhiêu
đời tan thành mây khói.

Miền Nam, từng được biết đến với nền kinh tế năng động, Sài Gòn được mệnh danh là
“Hòn ngọc Viễn Đông”, có đời sống văn minh, văn hóa cối mỡ và
thị trường tự do hơn c
Thái Lan, Hàn Quốc hay Singapore. Thế mà chỉ sau vài năm bị
đặt dưới sự kiểm soát cửa
kinh tế tập trung bao cấp, cửa nước rơi vào cảnh khốn khó.
Người dân Miền Nam lên đ
phải ăn bo bo, loại ngũ cốc từng dành cho gia súc, thời kỳ mà
người ta chào nhau bằng câu:
“Có gì ăn chưa?”

Tôi từng sống ở Sài Gòn trước năm Bảy lăm, ký ức về một thành
phố rực rỡ ánh đèn,
nhộn nhịp tiếng nhạc, tự do đi lại và báo chí đầy thông tin,
thì sau ngày Sài Gòn sụp đổ thật
là một cơn ác mộng. Thành phố ngọc ngà bị đổi tên, các đường
lộ xóa bỏ những danh nhân
lịch sử kiểu như “Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu công lý, đứng khởi
vùng lên diệt tự do”.

Chưa dừng lại ở đó, cuối năm Một ngàn chín trăm bảy mươi tám,
Việt Cộng bước vào
cuộc tàn sát với Campuchia. Biên giới Tây Nam rực lửa. Hàng
trăm ngàn thanh niên bị đưa
đi nghĩa vụ quân sự, chôn nơi rừng sâu, đất lạ!. Rồi tháng Hai
năm Bảy mươi chín, Trung
cộng tấn công sáu tỉnh biên giới phía Bắc, lấy cớ “dạy cho
Việt Nam một bài học”, lúc ấy,
người dân Miền Nam vốn đã kiệt quệ, lại càng thêm hoang mang
khi cửa đất nước bị cuốn
vào một vòng xoáy xung đột chưa có hồi kết.

Biên Đông tiếp tục dậy sóng, Hoàng Sa đã bị Trung cộng cưỡng
chiếm từ tay Hải quân

Việt Nam Cộng Hòa năm Một chín bảy mươi tư rồi đến thập niên tám mươi, Trung Cộng tiếp tục xâm lấn Trường Sa, biền đòo mặt dòn, rồi Nam Quan, thác Bùn Giốc rồi chỉ còn dân chúng thì oằn mình trong đói nghèo, thiếu thốn và sợ hãi.

Việt Nam từng có cơ hội phát triển như Hàn Quốc hay Singapore với tiềm lực, vị trí địa dư và nhân lực dồi dào, không thua kém Thái Lan, Taiwan; vậy mà chỉ sau vài năm Cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam bằng bạo lực thì Sài Gòn chìm sâu trong nghèo đói, bết trần và áp bức. Một giấc mộng về độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn dân đã bị phún bội bằng chính thực tế đang cay của nhà đương quyền Cộng sản.

Tôi bị đi tù bởi tội danh “Phản Động” tại trại Kim Sơn, Nước Nhóc, Nghĩa Điền tỉnh Bình Định và “Vượt biên trái phép” tại Rạch Nò tỉnh Kiên Giang suốt sáu năm, sau những ngày tháng tù đầy dường như thời gian cứ đứng yên giữa rừng sâu, mỗi phút trôi qua chỉ còn lại sự chờ đợi mong lung và nỗi khốc khoải vô hình ... Rồi cuộc, tôi lại được trở về nhà với hai bàn tay trắng, gia đình ly tán, nhà cửa bị tịch thu, bạn bè trốn mất mỗi người một nơi. Cuộc sống ngoài kia không còn gì thân thuộc nữa, nhưng điếu đờ nặng nhứt lên trái tim tôi không phải là cái đói, cái nghèo, mà là cảm giác bị tước mất quyền làm người, không còn đặt đờ sống trên chính quê hương mình.

Tôi đã quyết định ra đi. Lần đầu bị bắt, lần thứ hai thất bại, rồi thứ ba chuyển sang đường bộ Campuchia nhưng cũng không lọt khỏi biên thù... Cứ mỗi lần thất bại là một lần mất hy vọng, mất thêm chút lòng tin và vàng bạc hao hụt. Tôi đã từng nằm co ro trong hầm tàu

chật hẹp, từng bị công an bắt giữa rừng ngập mặn, từng thấy người đi chung bị bắt mạng vì sốt rét, đói khát hay chỉ một tiếng súng bắt ngờ nơi giữa đêm khuya. Tuy vậy, tôi không quay lại vì không còn gì để mất, cũng không còn gì để sợ hơn nữa.

Chuyến đi thứ bảy, con số tưởng là xui xẻo ấy, lại là cánh cửa mở ra sự sống. Chúng tôi lên đênh trên biển gần ba tuần lễ. Nước ngọt, thức ăn, củ sắn không còn, trẻ thơ khóc ngặt vì khát sữa, người lớn cầu nguyện và cứ lần lượt ra đi vì đói khát nên phải thấy táng theo dòng chảy đại dương. Mỗi lần thấy một đốm sáng xa tít ngoài khơi, chúng tôi nín thở, dán mắt nhìn trông nhưng không biết đó là tàu quốc tế hay hải tặc. Giữa trời đất mênh mông vô tận, nước biển đen hơn mực tàu, mạng sống con người mong manh như một sợi chỉ treo manh.

Tôi đã may mắn không bị bọn cướp biển sát hại, không bị cá mập nuốt chửng, không chết chìm trong bóng tối kinh hoàng của biển cả như những người đang hành trên con thuyền ọp ẹp này. Tôi đặt chân lên đảo Palawan, một hòn đảo nhỏ bé nằm ở phía tây của Philippines, nhưng với tôi lúc ấy, đó là thiên đường bao la vô tận. Tôi vẫn nhớ y như rằng buổi sáng đầu tiên khi chân vừa chạm bờ cát, người run lẩy bẩy, nước mắt tuông trào, không biết tương lai sẽ đi về đâu, nhưng ít nhất, tôi đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tôi là một trong những người may mắn “thập tử nhất sinh” đến nơi đây tìm sự, chứ có những con thuyền đã ra khơi và không bao giờ trở về; có những đứa trẻ chưa kịp hiểu thế nào là tự do

đã nằm lại dưới đáy đại dương, và có biết bao mái đầu bạc đã mòn mỏi chờ đợi nơi quê nhà, không bao giờ còn gặp lại người thân dù chỉ một cái tin sững sờ. Thật ra vượt biên không phải là tội, đó là hành động cuối cùng của những con người muốn được sống đúng nghĩa là con người, với tự do, phẩm giá và niềm tin vào một ngày mai tốt đẹp hơn.

Sau những tháng ngày tạm trú ở trại tị nạn Palawan, rồi chuyển qua Transit Bataan để được định cư tại Hoa Kỳ, một miền đất xa lạ, nhưng mang theo hy vọng lớn lao của cuộc đời được bắt đầu từ con số không, tôi đến đây với đôi bàn tay trống, ít vốn liếng tiếng Anh và tuồng trống rỗng động dù ít nhiều đã bị mài mòn bởi chiến tranh, tù đầy và vượt thoát. Nhưng nơi này tôi học được một điều rằng nếu chăm chỉ, trung thực và không ngừng học hỏi, cơ hội sẽ mở ra vô tận. Hoa Kỳ không hứa hẹn điều gì dẫu dàng, nhưng luôn sẵn lòng hỗ trợ những ai chịu đựng thân, không đầu hàng số phận.

Tôi vừa làm vừa học, những công việc tay chân chẳng bao giờ làm tôi thấy chán nản. Ngược lại, chính nhờ những công việc này, tôi từng bước dựng lại cuộc sống, từng chút một gom góp cho tương lai, điều chỉnh cuộc sống trong một xã hội xa lạ nhưng công bằng. Nơi định cư mới không đơn độc, bên tôi có cộng đồng người Việt đến trước, có nhiều gia đình, bạn bè cũng trôi dạt sau biển cả tháng tư đen, cũng từng vượt biển, từng trống tay, cũng ly tán và cũng đang gồng sống một cách lương thiện, tốt đẹp. Mọi người là một hoàn cảnh, một nỗi đau, nhưng ai cũng mang trong mình một niềm tin mãnh liệt, họ còn sống là

còn vươn lên.

Hiệp Chàng Quốc Hoa Kỳ là xứ sở của tự do không chỉ cho tôi một mái nhà, mà còn cho cơ hội thăng hoa cuộc đời. Khi trình độ, khả năng và quyết tâm nỗ lực, các trường cao đẳng, đại học đã mở cửa đón tôi như chào một người bạn mới. Tôi tiếp tục con đường học vấn với dĩ chí tranh, lao tù đã ngăn trở suốt bao năm tháng tuối trẻ. Vừa học, vừa làm, vừa sống, vừa đấu tranh, tôi từng bước đi vào cuộc đời bằng đôi chân của mình. Tôi tham gia vào sinh hoạt Cộng đồng, tranh đấu cho một Việt Nam không Cộng sản, cho tự do tôn giáo, cho nhân quyền và phẩm giá con người. Điều này không phải là sự hận thù mà là tiếng nói của công lý, của tình yêu quê hương theo cách không chấp nhận sự im lặng trước bất công.

Tôi chọn vào ngành giáo dục, trở thành giảng viên đại học là một biến chuyển lớn không chỉ cho cá nhân mà còn là niềm vui được truyền lại tri thức cho thế hệ mai sau. Mỗi lớp sinh viên đều mang trong mình một câu chuyện, một tương lai. Có những em sinh ra trong các gia đình tị nạn, với tâm thế đầy tự hào nhưng vẫn mang theo khát khao hòa nhập. Cũng có nhiều du học sinh đến từ Việt Nam, cam phẫn và tò mò, mang theo nỗi khác biệt riêng giữa khoảnh cách văn hóa và chính trị.

Một điều thú vị, đôi khi cũng buồn cười là những cuộc tranh luận giữa sinh viên tị nạn và du học sinh. Các em sinh ra và lớn lên ở Hải ngoại, tiếng Việt còn nhiều giới hạn, thường “bí” giữa chừng và chuyển sang tiếng Anh đầy sôi nổi. Ngược lại, các em du học sinh đến từ Việt Nam lại không thật sự thành thạo tiếng Anh, nên đành

lúng túng. Và tôi là tôi trở
thành trọng tài... bất đắc dĩ, người “phiên dịch” ngôn ngữ nhưng
cũng là người kết nối hai
thế giới Việt Nam.

Thế hệ trẻ trưởng thành tuyệt vời ở môi trường tự do. Sau khi
tốt nghiệp, phần lớn đều
tìm được công việc tốt vào các công ty lớn, có em chọn đi theo
con đường phục vụ công
quyền, tham gia chính quyền dòng chính, góp phần định hình
tương lai cho đất nước thứ hai
của mình. Đó là thành quả xứng đáng cho một thế hệ sinh ra
trong gian nan nhưng không
đều hàng, khuyết phục.

Trên đất nước này Cộng đồng người Việt Hải ngoại vẫn luôn giữ
lúa văn hóa. Các trường
Việt ngữ mọc lên trong các chùa, nhà thờ, trung tâm văn hóa...
nơi mà tiếng mẹ đẻ được
gìn giữ như một phần hồn dân tộc. Chúng ta không dạy con cháu
đọc chữ biết nói tiếng Việt,
mà còn dạy chúng hiểu được nỗi đau, niềm kiêu hãnh, và gốc rễ
của một dân tộc từng bị chia
lìa, sụp đổ và tái thiết.

Quốc hận 50 năm nhìn lại chính mình, từ người vượt biên tay
trắng phải vươn lên để
sống, dũng mãnh và tự tin, tôi không khỏi xúc động vì đó chính
là thành công cá nhân, mà
là minh chứng cho tinh thần Việt Nam: “Dù lưu vong, vẫn vươn
lên sống mạnh. Dù xa quê
hương, vẫn không quên nguồn cội”.

Năm mươi năm sau ngày Miền Nam sụp đổ, ngày mà lịch sử tỵ nạn
tư tưởng niệm “quốc
hận” thì trong tim tôi vẫn mang một ước mơ chưa bao giờ tắt:
ước mơ một nước Việt Nam
không còn Cộng sản, không còn hận thù, không còn chia rẽ vì

quá khứ hay ý thức hệ. Một
đất nước nơi mà quyền tự do báo chí được tôn trọng, nơi người
dân có quyền chọn lựa người
lãnh đạo mình bằng lá phiếu, chứ không phải qua súng đạn, áp
lực hay tuyên truyền.

Tôi tin rằng ngày này khi chế độ vì dân và do dân báo lên được
thiết lập thì lớp thanh niên
trí thức gốc Việt ở Hải ngoại sẽ không ngần ngại quay về. Thế
hệ trẻ là những anh tài được
đào luyện tại những đại học hàng đầu thế giới sẽ mang về cho
quê hương không chỉ kiến
thức khoa học, kỹ thuật, kinh tế, nhân văn, mà còn là tư duy
tự do, tinh thần trách nhiệm, và
đạo đức phục vụ. Đó là tài nguyên quý giá nhất mà Việt Nam hậu
Cộng sản có thể kỳ vọng.
Việt Nam không thiếu người tài, chỉ thiếu những lãnh đạo chân
chính và một môi trường
tự do để những tài năng có thể cống hiến mà không bị nghi ngờ,
kìm hãm, hay kiểm soát tư
tưởng. Khi này, một nền hành chính minh bạch, một nền giáo dục
khai phóng, và một xã hội
pháp trị thực sự sẽ đưa đất nước vươn lên, vượt qua cả những
quốc gia tuy giàu có nhưng
đang thiếu nhân lực, tài nguyên và địa lý.

Tôi mơ một ngày được tự do đi dọc đất nước từ Nam chí Bắc mà
không cần phải sợ bị
theo dõi, không cần phải giữ ý khi nói chuyện với người lạ.
Một vùng trời mà người trí thức
được trân trọng, người lương thiện được khuyến khích, bảo vệ,
và người dân có thể sống an
vui, hạnh phúc, không cần bỏ xứ ra đi để tìm tự do khao khát
sự thật cho cuộc sống.
Bằng vào niềm tin này thì thế hệ mai sau ở trong nước sẽ không
còn phải tìm đường vượt
biên, không bị xuất cảnh lao động, làm dâu xứ người; thay vào

đó, lớp trẻ Hời ngoại không
còn phải gói ghém quá khứ trong nỗi buồn lưu vong, hiện ngang
trẻ với bằng hành trang là
kiến thức và tình yêu quê hương hời dựng lại những gì đã mất,
xây nên một nước Việt Nam
hùng cường, độc lập, tự do và nhân ái.

Nếu như thời gian quay chậm mà thế hệ chúng tôi không thể thấy
ngày này hiện thực thì
mong sao từng dòng chữ này sẽ là một lời nhắn nhủ cho thế hệ
kế tiếp rằng, dù ở đâu, trong
hoàn cảnh nào, thì người Việt Nam vẫn luôn giữ được phẩm giá,
lòng yêu nước, sự tự tin và
ước mơ phục hồi quê hương trong tinh thần nhân bản, tự chủ.

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng – San Jose 30/4/2025